

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Lê;

Bà Phan Thị Thúy Hằng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Xuân Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1989;

Cư trú tại: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên; có mặt.

*2. Bị đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1994;

Cư trú tại: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn yêu cầu ngày 22/10/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/12/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thì đến đầu năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm; chị N muốn đi làm xa, anh không đồng ý nhưng chị vẫn đi không về nên giữa hai người xảy ra mâu thuẫn càng trầm trọng; gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành; hai người đã sống ly thân

từ tháng 10/2019 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/02/2014, con hiện nay đang do anh nuôi dưỡng. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn chị Phạm Thị N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định; bị đơn vắng mặt là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: đề nghị giao con chung cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/02/2014 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình H và bị đơn chị Phạm Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành; hai người đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay nhưng không thể khắc phục được mâu thuẫn. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/02/2014, hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp và đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc bị đơn chị Phạm Thị N phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Đình H được ly hôn với chị Phạm Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/02/2014 cho nguyên đơn anh Nguyễn Đình H trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn chị Phạm Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0013624, ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND thị trấn P;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Khánh Thoa**